TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2014 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211420)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2114200110	Lý Thị Thu Thảo	CCQ1420B	97	5.91			0		2 lần sử dụng chứng chỉ giả. Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp.

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	226056 Địa lý kinh tế thế giới	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226081 Tin học ứng dụng trong kinh doanh XNK	2
	226100 Luật lao động	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226030 Quản trị nguồn nhân lực	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226098 Đầu tư quốc tế	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226061 Marketing thương mại	2							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2015 - Ô tô
(TN211517)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2115170103	Đỗ Lương Diệp	Huy	CCQ1517B	104	6.48	233046	Thực tập tốt nghiệp (Ô tô)	4		
2	2115170270	Lê Anh	Sơn	CCQ1517D	102	6.19	227034	Nguyên lý – Chi tiết máy (các ngành không chuyên)	2	1.3	

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		225017 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233004 Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
		233005 Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
		233008 Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
		233009 Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
		233045 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
		233047 Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - CNKT Cơ khí (TN211603)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116030110	Nguyễn Hoài	Phong	CCQ1603B	105	5.94	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116030175	Võ Minh	Mẫn	CCQ1603C	105	6.34	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	231016 Corel Draw	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222012 Phương pháp luận sáng tạo	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226004 Đại cương về WTO và Asean	2							
		226008 Kinh tế học đại cương	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227117 Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 06 :		3 TC (Min)	3							
0601 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Chế tạo máy (TN211604)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116040024	Ngư Ngọc Lương	CCQ1604A	104	6.27	227121	Thực tập CNC 2	2		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0401 .		222012 Phương pháp luận sáng tạo	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226004 Đại cương về WTO và Asean	2							
		226008 Kinh tế học đại cương	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227098 Thực tập phay nâng cao	2							
		227106 Thực tập tiện nâng cao	2							
		227110 Tự động hóa quá trình sản xuất	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227089 Đồ án tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5							
		227111 Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Kế toán (TN211610)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116100161	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CCQ1610C	93	6.83	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116100193	Lương Thị Thúy	Oanh	CCQ1610C	95	6.04	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả. Không được xét tốt nghiệp.
3	2116100221	Phan Nguyễn Uyên	Vy	CCQ1610C	94	6.48	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226026 Quản trị học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226017 Môi trường và con người	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225034 Kế toán thương mại	2							
		226006 Kinh tế công	3							
		226013 Kinh tế vĩ mô	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225067 Thực hành kế toán thuế	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị kinh doanh (TN211612)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116120165	Vũ Địa Đàng	CCQ1612C	93	6.85			0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226100 Luật lao động	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	222025 Kỹ năng mềm	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226005 Địa lý kinh tế	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226019 Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	2							
		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - May (TN211613)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116130023	Nguyễn Thị Kim	Lý	CCQ1613A	104	6.14	231146	Tin học ứng dụng ngành may	3	4.3	
2	2116130265	Dương Thị Huyền	Trang	CCQ1613D	103	6.80	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	229001 Access cơ bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
		231030 Lịch sử phát triển của trang phục	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		231024 Giác sơ đồ	2							
		231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231057 Thực tập công nghệ may trang phục 3	2							
		231058 Thực tập may áo dài	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231084 Thực tập may áo jacket	2							
		231085 Thực tập may áo veston	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Ô tô (TN211617)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116030146	Đỗ Công	Danh	CCQ1617A	97	6.41	223003	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac Lênin	5	VT	
							224003	Anh văn 1	3		
2	2116170078	Phạm Ngọc	Tuyến	CCQ1617A	103	5.89	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2116170385	Nguyễn Hoàng	Tuấn	CCQ1617E	105	6.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
4	2116170624	Nguyễn Chơn	Ý	CCQ1617H	106	6.48	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0301 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		225017 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233004 Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
		233005 Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
		233008 Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
		233009 Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
		233045 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
		233047 Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Nhiệt lạnh (TN211618)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116180075	Lê Xuân Tú	CCQ1618A	103	6.09	228045	Nhiệt động kỹ thuật	3		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	228020 Hàm phức và biến đổi Laplace	2
	229001 Access cơ bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229023 Ngôn ngữ lập trình C	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227006 Cơ học ứng dụng	2							
		227064 Vẽ kỹ thuật 1	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
Nhóm TC 06 :		4 TC (Min)	4							
0601 .		228025 Kinh tế năng lượng	2							
		228122 Kỹ thuật thủy khí	2							
		228191 Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228095 Công nghệ lạnh	3							
		228102 Đồ án tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5							
		228105 Năng lượng tái tạo	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Tiếng Anh (TN211624)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **99**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116240088	Đỗ Thảo	Nguyên	CCQ1624B	99	6.55	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2116240173	Nguyễn Thị Minh	Trang	CCQ1624C	99	6.75	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2116240304	Trần Ngọc Thùy	Dương	CCQ1624F	97	6.64	224326	Văn hóa Mỹ	3		
4	2116240374	Lưu Thị Mai	Lam	CCQ1624G	99	6.12	224312	Phiên dịch	3	4.2	

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222030 Dẫn luận ngôn ngữ	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	225050 Thị trường chứng khoán	2
	226011 Kinh tế quốc tế	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	224322 Giao tiếp liên văn hóa	2
	226014 Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội/nhóm	2
	226041 Tâm lý kinh doanh	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226105 Quan hệ công chúng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225014 Nguyên lý kế toán	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		224320 Tiếng Anh thư tín trong thương mại	2							
		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
Nhóm TC 07 :		2 TC (Min)	2							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
		226103 Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2							
Nhóm TC 08 :		5 TC (Min)	5							
0801 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị khách sạn (TN211626)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **95**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116260023	Nguyễn Thị Lam	CCQ1626A	94	6.35	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226116 Văn hóa các nước ASEAN	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	226118 Văn hóa ẩm thực	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226017 Môi trường và con người	2
	226119 Pháp luật du lịch	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226120 Tin học ứng dụng trong KD nhà hàng & khách sạn	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226126 Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2							
		226132 Quản trị tổ chức sự kiện	2							
		226133 Quản trị khu du lịch	2							
		226134 Quản trị kinh doanh nhà hàng	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226096 Quản trị thương hiệu	3							
		226137 Thương mại điện tử nhà hàng, khách sạn	2							
		226140 Quản trị chuỗi cung ứng	2							
		226149 Quản trị kinh doanh tiệc và hội nghị	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226151 Quản trị lễ tân	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - CNKT Cơ khí (TN211703)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030198	Phạm Vỹ	CCQ1703C	88	6.48	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227138 Solidworks	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227141 Thực tập CNC 2	2							
		227147 Thực tập phay 3	2							
		227149 Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227117 Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
0802 .		200003 Tiếng Nhật 3	3							
Nhóm TC 09 :										

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0902 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị kinh doanh (TN211712)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117120156	Lê Đặng Mỹ	Hương	CCQ1712C	78	6.31	224009	Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2	4.8	
2	2117120258	Võ Thị	Trang	CCQ1712D	78	7.20	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2117120295	Trương Thị Thái	Hương	CCQ1712E	78	6.04	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - May (TN211713)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117130376	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CCQ1713F	88	6.81	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0303 .	234006 Bóng đá 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		231070 An toàn và môi trường công nghiệp (Dệt may)	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		231024 Giác sơ đồ	2							
		231037 Quản lý chất lượng trang phục	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231148 Cải tiến năng suất	2							
		231165 Sáng tác mẫu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231163 Quản lý đơn hàng	2							
		231177 Trang phục truyền thống	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Ô tô (TN211717)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117170047	Nguyễn Ngọc	Sơn	CCQ1717A	87	6.53	233052	Thực tập ô tô 2	3		
2	2117170211	Phan Hữu	Thịnh	CCQ1717C	87	6.62	233052	Thực tập ô tô 2	3		
3	2117170606	Nguyễn Trung	Việt	CCQ1717H	90	6.30	08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233024 Thiết bị xưởng ô tô	2							
		233027 Thủy lực và máy thủy lực	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới	2							
		233012 Ô tô và môi trường	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		233002 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	3							
		233003 Chuyên đề động cơ	2							
		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
0802 .		200003 Tiếng Nhật 3	3							
Nhóm TC 09 :										

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)	2							
0902 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211720)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117200006	Hồ Thanh	Bình	CCQ1720A	80	6.41	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2117200045	Phạm Hoàng Sao	Ly	CCQ1720A	82	7.04	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226168 Quản trị tài chính quốc tế	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226160 Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị khách sạn (TN211726)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117260010	Lê Trần Thùy	Giang	CCQ1726A	77	6.37	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
							02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2117260021	Thái Thị Kim	Hoàn	CCQ1726A	78	7.18	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2117260070	Tô Thị Anh	Thư	CCQ1726A	80	6.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị nhà hàng (TN211727)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117270026	Nguyễn Thị Kim	Huê	CCQ1727A	80	5.73	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
2	2117270065	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	CCQ1727A	80	7.04	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
3	2117270068	Trịnh Nguyễn Minh	Thương	CCQ1727A	80	6.81	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
4	2117270072	Nguyễn Thị Kim	Trang	CCQ1727A	80	7.28	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
5	2117270095	Lê Văn	Chiêu	CCQ1727B	78	6.61	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
6	2117270097	Đoàn Ngọc Xuân	Diệu	CCQ1727B	78	6.86	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234003 Bóng chuyền 2	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 05 :		4 TC (Min)	4							
0502 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0503 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0504 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0505 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0506 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226162 Quản trị ẩm thực	2							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Kế toán (TN211810)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118100074	Đinh Thị Tuyết Vân	CCQ1810A	81	8.40	225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	VT	

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		225057 Toán tài chính	2							
		225103 Bảo hiểm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		226093 Luật kinh doanh	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225107 Kế toán ngân hàng	2							
		225110 Kế toán tài chính nâng cao	2							
		225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224006 Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
						200004	Tiếng Nhật 4	2		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị kinh doanh (TN211812)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118120053	Vũ Anh Phương	CCQ1812A	63	5.95	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						08	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		
						226165	Quản trị chiến lược	3	4.1	
						226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		
						229100	Tin học	2		
2	2118120188	Bùi Văn Đại	CCQ1812C	79	8.07	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
	234011 Bóng rổ 2	2
	234013 Cầu lông 2	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 03 :		4 TC (Min)	4							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải liên hệ Phòng Quản lý đào tạo chuyển điểm để xét tốt nghiệp***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224004 Anh văn 2	3							
		224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		225040 Quản trị ngoại thương	2							
		226091 Quản trị ngoại thương	2							